

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:84/2023/HSST

Ngày: 21/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chính Việt Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 06 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97 /QĐXXST-HS ngày 24 /05 /2024 và thông báo ngày 11/06/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Đình N**, tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **163/12/17 T, phường A, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh**; cư trú: **A11-21 Chung cư T, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: công giáo ; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; là con ông **Phan Đình T** sinh năm 1934 và mẹ **Trần Thị T1** sinh năm 1940; anh chị em có 05 người; vợ **Trần Thị Kim N1**, sinh năm 1996; con **Trần Phan Minh N2** sinh năm 2019.

Tiền án tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 24/01/1991, Bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt về hành vi: "Trộm cắp tài sản công dân" (bản án số 05/HS-ST ngày 24/01/1991); Ngày 30/11/1995, Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" (bản án số 1721/HSST ngày 30/11/1995); Ngày 06/12/1999, Bị tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" (bản án số 3082/HS-ST ngày 06/12/1999); Ngày 2/03/2009 Bị tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (bản án số 48/2009/HSST ngày 02/3/2009). Chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 25/01/2017 đã nộp tiền án phí hình sự và số tiền phạt là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/05/2023 đến ngày 10/05/2023 áp dụng biện pháp tạm giam, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đỗ Ngọc Q**, sinh năm: 1990
Địa chỉ: **Tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**
2. Ông **Trần Quang T2**, sinh năm: 1985
Địa chỉ: **H N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**
3. Ông **Mai Thanh T3**, sinh năm: 1983
Địa chỉ: **A đường A, Phường T, Quận G, Tp .**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/4/2023, **Phan Đình N** điều khiển xe Honda Airblade biển số 60B4-403.39 đến **C, Quận A** mua 04 gói ma túy của một người tên **Q1** (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng. Mua được ma túy, **N** để vào học xe phía trước bên trái. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, **N** điều khiển xe đến **đường số A, phường T, Quận G**, bị tổ hình sự đặc nhiệm, **Công an Q2** tuần tra yêu cầu dừng xe. Nhặt tăng ga bỏ chạy, lấy gói ma túy vứt xuống đường, rồi bỏ xe máy chạy bộ đến trước nhà **số A đường số A, phường T, Quận G**, thì bị Công an truy đuổi bắt giữ cùng tang vật và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, **N** khai mua ma túy về bán cho người nghiện. Trong thời gian mua bán ma túy, **N** bán cho **Trần Quang T2** và **Mai Thanh T3** mỗi người 02 lần, mỗi lần bán 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Cụ thể: bán cho **T2** lần thứ nhất ngày 16/4/2023, lần thứ hai ngày 21/4/2023 tại trước địa chỉ 149 **đường A, phường T, Quận G, Thành phố H**; bán cho **T3** lần thứ nhất ngày 16/4/2023, lần thứ hai ngày 22/4/2023 tại trước địa chỉ **A đường A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**. Mỗi gói ma túy Nhất lời được 50.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 200.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 4516/LK-KTHS ngày 05/5/2023 của **Phòng K, Công an thành phố H**, kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 4,8514 gam (bốn phẩy tám năm một bốn gam), loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ:

- 04 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, có khối lượng 4,8514gam là ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine.
- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, có số khung RLHKF2704BY401219 số máy JF27E-1267238.
- 01 điện thoại hiệu Iphone 7 plus, **số I** 359172075878144 số thuê bao 0937099060.
- 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen, số imei 359323041482566, số thuê bao 0934787223
- 01 nhẫn kim loại màu vàng.
- Thu giữ của **Trần Quang T2**: 01 điện thoại Iphone màu bạc, số imei 35929806452811.

Xác minh biển số 60B4-403.39, có số khung RLHKF1416DY077184, số máy KF14E0067143 do ông **Đỗ Ngọc Q** đứng tên chủ sở hữu, ông **Q** bị mất xe năm 2020 và không trình báo công an.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSQ7 ngày 05/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo **Phan Đình N** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 : xử phạt bị cáo **Phan Đình N** từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, việc khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Q2**, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định số 4516/LK-KTHS ngày 05/5/2023 của **Phòng K, Công an thành phố H**, kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 4,8514 gam (bốn phẩy tám năm một bốn gam), loại Methamphetamine và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo **Phan Đình N** đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ

sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần có mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Tại phiên tòa bị cáo xác nhận trong thời gian mua bán ma túy đã có thu lợi bất chính và đồng ý nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước, cụ thể là số tiền 200.000 đồng.

[5] Bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[7] Đối với Trần Quang T2, Mai Anh T4 sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2 chuyển Công an phường T, Quận G xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

[6] Xử lý vật chứng :

- 04 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, có khối lượng 4,8514gam là ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine là chất Nhà Nước cấm lưu hành, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại hiệu Iphone 7 plus, số I 359172075878144 số thuê bao 0937099060, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên xét trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen, số imei 359323041482566, số thuê bao 0934787223, đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, xét còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên xét trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại Iphone màu bạc, số imei 35929806452811, đây là phương tiện Trần quang T5 sử dụng liên lạc mua ma túy sử dụng, xét còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phan Đình N** tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

[1]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo **Phan Đình N** 7 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/05/2023

[2]. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

[2.1]. Tịch thu tiêu hủy:

- 04 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, có khối lượng 4,8514gam là ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine.

[2.2]. Tịch thu sung quỹ Nhà nước :

- 01 điện thoại Iphone màu bạc, số imei 3592980645281.

- 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen, số imei 359323041482566, số thuê bao 0934787223

[2.3]. Trả lại cho bị cáo:

- 01 nhẫn kim loại màu vàng,

- 01 điện thoại hiệu Iphone 7 plus, **số I** 359172075878144 số thuê bao 0937099060,

[2.4]. Buộc bị cáo **Phan Đình N** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng để sung quỹ nhà nước

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 012 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7)

[3]. Về án phí : Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Phan Đình N** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[4]. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Như T6